

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị bán hàng - 1104012

Mã lớp học phần: 110401202

Số tín chỉ: 3

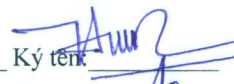
Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Minh Châu

Ngày thi: 04/05/2015

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: M. Trung

Ký tên: 

Giám thị 2: M. Tân

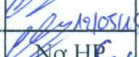
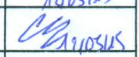
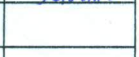
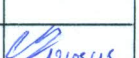
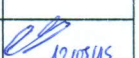
Ký tên: 

Giám thị 3: K. Nhi

Ký tên: 

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100160	Lê Thanh An	19/08/1995			4.3	Bon ba	C15QT2	
2	1310100246	Nguyễn Thị Phương Ngọc	16/01/1995			4.3	Bon ba	C15QT2	
3	1210090030	Lưu Ngọc Bích	15/03/1992			4	Bon	C14QT1	Nợ HP 13-88
4	1310100087	Trần Thị Ngọc Cẩm	20/03/1995			5.5	Năm rưỡi	C15QT2	
5	1310100088	Phạm Tiên Cung	17/01/1994			3	Ba	C15QT2	
6	1310100080	Nguyễn Thị Thiên Dung	03/03/1994			5.5	Năm rưỡi	C15QT2	
7	1310100186	Lữ Tấn Đạt	21/04/1995			4.3	Bon ba	C15QT2	
8	1310100028	Huỳnh Thanh Hà	07/04/1995			5.5	Năm rưỡi	C15QT2	
9	1310100006	Nguyễn Thị Hoàng Hà	10/05/1995			4.3	Bon ba	C15QT2	
10	1310100092	Nguyễn Văn Hải	06/06/1994			4	Bon	C15QT2	
11	1310100146	Vũ Ngọc Hải	05/11/1995			3.3	Ba ba	C15QT2	
12	1310100262	Vy Quốc Hải	28/10/1995			3.8	Ba ba tám	C15QT2	
13	1310100013	Lê Mỹ Kym Hằng	17/03/1995			3.3	Ba ba	C15QT2	Nợ HP 13-88
14	1310100075	Huỳnh Lâm Ngọc Hân	06/09/1994			5.5	Năm rưỡi	C15QT2	
15	1310100101	Dương Trung Hiếu	29/03/1995			3	Ba	C15QT2	Nợ HP 13-88
16	1310100039	Phạm Hiếu	03/11/1994			2.3	Hai ba	C15QT2	
17	1310100009	Đinh Thái Hoàng	04/06/1995			4.3	Bon ba	C15QT2	
18	1310100220	Lâm Lê Hoàng	18/11/1993			6	Sáu	C15QT2	
19	1310100129	Đỗ Xuân Hòa	23/07/1990			4.8	Bon ba tám	C15QT2	
20	1310100155	Trần Thị Diệu Hòa	18/06/1995			3.8	Ba ba tám	C15QT2	
21	1310100057	Nguyễn Diệu Huyền	28/07/1995			4.3	Bon ba	C15QT2	
22	1310100204	Đỗ Mộng Huỳnh	05/09/1995			3.8	Ba ba tám	C15QT2	
23	1310100158	Nguyễn Thị Hương	06/10/1994			6	Sáu	C15QT2	
24	1310100130	Võ Tuấn Kiệt	07/01/1995			3.5	Ba rưỡi	C15QT2	
25	1310100076	Hoàng Văn Lâm	01/12/1992			2.8	Hai ba tám	C15QT2	
26	1310100217	Nguyễn Thị Trúc Lê	07/02/1995			4	Bon	C15QT2	
27	1310100121	Bùi Thị Thúy Linh	11/08/1995			4	Bon	C15QT2	
28	1310100104	Lê Kim Linh	03/09/1994			3.8	Ba ba tám	C15QT2	
29	1310100190	Nguyễn Thị Linh	07/12/1995			4.3	Bon ba	C15QT2	
30	1310100209	Huỳnh Thị My Ly	18/05/1995			4	Bon	C15QT2	
31	1310100103	Hứa Thị Thanh Mai	19/03/1995			5.3	Năm ba	C15QT2	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1310100191	Ma Thị Ngọc	Mai	12/10/1995	<i>mai</i>	4.8	Bon ba tam	C15QT2	<i>12/10/1995</i>
33	1310100206	Nguyễn Văn	Mỹ	10/06/1991	<i>ta</i>	4	Bon	C15QT2	
34	1310100122	Lê Thị Thúy	Nga	10/02/1995	<i>lu</i>	3.35	Ba ba tam	C15QT2	<i>12/10/1995</i>
35	1310100015	Bùi Thị Kim	Ngân	25/05/1995	<i>Ngan</i>	3	Ba	C15QT2	
36	1310100125	Nguyễn Lê Kim	Ngân	22/01/1995	<i>Ngan</i>	3	Ba	C15QT2	Nợ HP <i>11/10/1995</i>
37	1310100060	Cao Trọng	Nghĩa	30/07/1995				C15QT2	
38	1310100169	Lê Tất Mỹ	Ngọc	18/10/1995	<i>lmv</i>	3.85	Ba ba tam	C15QT2	<i>12/10/1995</i>
39	1310100193	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	17/03/1995	<i>ng</i>	5.35	Hai ba tam	C15QT2	<i>12/10/1995</i>
40	1310100233	Lư Minh	Nhân	21/10/1995	<i>lu</i>	2.5	Hai rưỡi	C15QT2	Nợ HP <i>GXTN</i>
41	1310100045	Ngô Thị Thu	Nhi	08/11/1995	<i>Thu</i>	4.85	Bon ba tam	C15QT2	<i>12/10/1995</i>
42	1310100005	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	05/12/1995	<i>ow</i>	4	Bon	C15QT2	
43	1310100085	Nguyễn Thị Ý	Nhi	23/04/1995	<i>Nhi</i>	3	Ba	C15QT2	
44	1310100066	Quách Huỳnh Yến	Nhi	01/10/1994	<i>qu</i>	4.5	Bon rưỡi	C15QT2	
45	1210090296	Trương Thị Uyên	Nhi	29/01/1994				C14QT3	Nợ HP
46	1310100063	Trần Thị Kim	Nhung	03/07/1995	<i>Nhung</i>	4.5	Bon rưỡi	C15QT2	
47	1310100095	Nguyễn Hồng	Phân	12/11/1995	<i>ph</i>	6.5	Sáu rưỡi	C15QT2	
48	1310100145	Nguyễn Văn	Phi	08/07/1995	<i>ph</i>	4.85	Bon ba tam	C15QT2	<i>12/10/1995</i>
49	1310100020	Nguyễn Văn	Phúc	09/04/1995	<i>ph</i>	3.85	Ba ba tam	C15QT2	<i>12/10/1995</i>
50	1310100219	Nguyễn Giang Tiểu	Phụng	01/05/1995	<i>Phung</i>	3.5	Ba rưỡi	C15QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị bán hàng - 1104012

Mã lớp học phần: 110401202

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Minh Châu

Ngày thi: 04/05/2015

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1:

Bích Thủy

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 2:

B. Ngân

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 3:

Vân Phương

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 4:

Ký tên:

[Signature]

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100167	Lê Thị Thanh	Phương	04/03/1995	<i>[Signature]</i>		4.3	Bốn ba	C15QT2	<i>[Signature]</i>
2	1310100068	Nguyễn Thành	Phước	20/06/1995	<i>[Signature]</i>		4.3	Bốn ba	C15QT2	<i>[Signature]</i>
3	1310100154	Đặng Vinh	Quang	04/10/1994	<i>[Signature]</i>		4.3	Bốn ba	C15QT2	<i>[Signature]</i>
4	1310100177	Trần Văn	Quý	04/07/1995	<i>[Signature]</i>		4.3	Bốn ba	C15QT2	<i>[Signature]</i>
5	1310100027	Võ Văn	Quốc	13/03/1995	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C15QT2	
6	1310100159	Lê Hoàng	Sang	03/09/1995	<i>[Signature]</i>		4.8	Bốn ba tám	C15QT2	<i>[Signature]</i>
7	1310100070	Đặng Thị Huyền	Sanh	01/05/1995	<i>[Signature]</i>		2.8	Hai ba tám	C15QT2	<i>[Signature]</i>
8	1310100102	Lê Thị Thu	Sáng	24/01/1995	<i>[Signature]</i>		3.5	Ba rưỡi	C15QT2	
9	1310100153	Nguyễn Thành	Tài	18/02/1995	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C15QT2	
10	1310100183	Nguyễn Trần Trúc	Tâm	21/06/1995	<i>[Signature]</i>		4.5	Bốn rưỡi	C15QT2	
11	1310100111	Nguyễn Thị	Tha	04/05/1995	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C15QT2	
12	1310100001	Đỗ Thị Thu	Thảo	27/12/1995	<i>[Signature]</i>		4.8	Bốn ba tám	C15QT2	<i>[Signature]</i>
13	1310100188	Hồ Thị	Thắm	17/09/1995	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C15QT2	
14	1210090413	Trịnh Quốc	Thắng	29/06/1994	<i>[Signature]</i>		3.5	Ba rưỡi	C14QT4	
15	1310100147	Mai Thị Kim	Thi	10/06/1995	<i>[Signature]</i>		3	Ba	C15QT2	
16	1310100231	Nguyễn Thị Minh	Thi	24/09/1995	<i>[Signature]</i>		3.8	Ba ba tám	C15QT2	<i>[Signature]</i>
17	1210090447	Nguyễn Nhứt	Thiện	29/07/1994	<i>[Signature]</i>		3	Ba	C14QT4	
18	1310100143	Phan Nguyễn Minh	Thoa	22/02/1994	<i>[Signature]</i>		3.8	Ba ba tám	C15QT2	<i>[Signature]</i>
19	1310100115	Trần Diệu	Thơ	27/07/1995	<i>[Signature]</i>		4.3	Bốn ba	C15QT2	<i>[Signature]</i>
20	1310100214	Đồng Thị Thu	Thủy	30/01/1995	<i>[Signature]</i>		5	Năm	C15QT2	
21	1310100029	Trang Thị Thanh	Thủy	23/12/1994	<i>[Signature]</i>		3.5	Ba rưỡi	C15QT2	
22	1310100069	Trần Thị Thu	Thủy	10/05/1994	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C15QT2	
23	1310100200	Huỳnh Thị	Thường	20/12/1995	<i>[Signature]</i>		3.5	Ba rưỡi	C15QT2	
24	1310100263	Trần Thị Cẩm	Tiên	12/11/1993	<i>[Signature]</i>		6.5	Sáu rưỡi	C15QT2	
25	1310100174	Trần Thị Thủy	Tiên	22/01/1995	<i>[Signature]</i>		4.3	Bốn ba	C15QT2	
26	1310100135	Trương Nguyễn Thùy	Trang	04/01/1994	<i>[Signature]</i>		3.8	Ba ba tám	C15QT2	<i>[Signature]</i>
27	1310100012	Vũ Thị Thiên	Trang	10/06/1995	<i>[Signature]</i>		5	Năm	C15QT2	
28	1310100201	Dương Thị Bích	Trâm	18/09/1995	<i>[Signature]</i>		3.8	Ba ba tám	C15QT2	<i>[Signature]</i>
29	1310100196	Lê Thị Thanh	Trâm	02/09/1995	<i>[Signature]</i>		4.5	Bốn rưỡi	C15QT2	
30	1310100137	Nguyễn Thị Bảo	Trân	10/12/1994	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C15QT2	
31	1310100189	Dương Ngọc Phương	Trinh	29/06/1994	<i>[Signature]</i>		4.5	Bốn rưỡi	C15QT2	
32	1310100131	Lương Thị Ngọc	Trinh	20/02/1995	<i>[Signature]</i>		4.5	Bốn rưỡi	C15QT2	Nợ HP

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1310100034	Trần Trọng	Trung	13/11/1995			4.8	Bốn tám	C15QT2	
34	1310100128	Nguyễn Nhật	Trường	10/10/1995			2.5	Hai rưỡi	C15QT2	
35	1310100149	Nguyễn Mộng	Tuyền	06/08/1995			4	Bốn	C15QT2	
36	1310100072	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	06/01/1995			2.5	Hai rưỡi	C15QT2	
37	1310100172	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	01/03/1994			6	Sáu	C15QT2	
38	1310100260	Trần Thị Phương	Tuyền	30/12/1995			3.5	Ba rưỡi	C15QT2	
39	1310100002	Nguyễn Minh	Tùng	24/10/1995			3.5	Ba rưỡi	C15QT2	
40	1310100032	Hứa Phạm Hoàng	Yến	18/12/1995			3.5	Ba rưỡi	C15QT2	
41	1310100134	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/06/1995			4.8	Bốn tám	C15QT2	
42	1310100036	Vũ Hoàng Ngọc	Yến	22/2/1995			4	Bốn	C15QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.